

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2023

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Thúy

- Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 98/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2023, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ T, sinh năm: 1994

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Thanh B, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2023, bản tự khai ngày 21/7/2023, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ T trình bày: Bà và ông Phạm Thanh B tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, cấp ngày 31/12/2021. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không còn tình cảm nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Thanh B.

Về con chung: Bà T và ông B có 01 con chung là Phạm Hoàng Minh N, sinh ngày

17/11/2021. Bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Ông Phạm Thanh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến trình bày, yêu cầu gì.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phạm Thị Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.2] Bà Phạm Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn ông Phạm Thanh B. Yêu cầu của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông B và bà T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, cấp ngày 31/12/2021. Do đó, hôn nhân giữa ông B và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nhận thấy ông B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt các buổi hòa giải, xét xử, việc ông B không có ý kiến trình bày và không tham gia hòa giải, phiên tòa, thể hiện ông B bỏ mặc quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà T yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu được ly hôn ông B là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông B có 01 con chung là Phạm Hoàng Minh N, sinh ngày 17/11/2021. Xét thấy cháu Nhật dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của bà T, việc bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là có cơ sở nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Phạm Thị Mỹ T xác định không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Mỹ T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Mỹ T được ly hôn ông Phạm Thanh B.

2. *Về con chung:* Bà Phạm Thị Mỹ T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Hoàng Minh N, sinh ngày 17/11/2021. Ông Phạm Thanh B tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, ông B và bà T hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* Bà Phạm Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí:* Bà Phạm Thị Mỹ T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0000594 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Phạm Thị Mỹ T còn phải nộp 150.000 đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bà Phạm Thị Mỹ T, ông Phạm Thanh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND xã L, thành phố C
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy